CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: /20… /NĐ-CP	*Hà Nội, ngày tháng năm 20....*
DỰ THẢO	

NGHỊ ĐỊNH
Quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Thi đua, khen thưởng ngày 15 tháng 6 năm 2022;

Căn cứ Luật di sản văn hóa ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật di sản văn hóa ngày 18 tháng 6 năm 2009;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định chi tiết về đối tượng, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, hoạt động xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Công dân Việt Nam làm việc trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ.

2. Tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động xét, trao tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú".

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Lĩnh vực thủ công mỹ nghệ là lĩnh vực gồm những nghề thủ công mỹ nghệ.

2. Nghề thủ công mỹ nghệ là nghề thủ công sản xuất ra các sản phẩm thủ công mỹ nghệ hoặc các sản phẩm được tạo hình, trang trí tinh xảo giống như sản phẩm thủ công mỹ nghệ (Nghề thủ công là những nghề sản xuất ra sản phẩm mà

kỹ thuật sản xuất chủ yếu là làm bằng tay hoặc phần quyết định chất lượng và hình thức đặc trưng của sản phẩm vẫn làm bằng tay).

3. Nghề thủ công mỹ nghệ đặc thù là nghề thủ công mỹ nghệ có nguy cơ mai một, ít người học, việc truyền dạy nghề khó khăn, thời gian truyền dạy nghề kéo dài.

4. Sản phẩm thủ công mỹ nghệ là sản phẩm thủ công mà giá trị văn hóa, thẩm mỹ trở nên quan trọng hơn giá trị sử dụng thông thường.

Điều 4. Thời gian xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú"

Danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" được xét tặng và công bố 03 năm một lần vào dịp kỷ niệm ngày Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 5. Hoạt động xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú"

1. Nội dung chi cho hoạt động xét tặng, gồm:

a) Xây dựng, triển khai kế hoạch; tổ chức thẩm định hồ sơ đề nghị xét tặng; trả thù lao cho hội đồng, thư ký hội đồng và tổ chức các phiên họp hội đồng các cấp; tổ chức đoàn đánh giá thực tế tại cơ sở sản xuất của cá nhân đề nghị xét tặng;

b) Công bố kết quả xét chọn của hội đồng các cấp trên các phương tiện truyền thông để lấy ý kiến nhân dân; tổ chức họp báo công bố kết quả xét chọn;

c) Tổ chức gặp mặt, thông tin tuyên truyền, in ấn, xuất bản tài liệu, xây dựng, phổ biến quy định, chính sách về "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú"; tổ chức cuộc thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ;

d) Tổ chức Lễ trao tặng, chi tiền thưởng cho "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

đ) Các hoạt động và chi phí khác có liên quan.

2. Định mức chi cho hoạt động xét tặng

a) Chi họp hội đồng, thù lao cho thành viên hội đồng, thư ký hội đồng các cấp áp dụng theo quy định về thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ;

b) Chi đi đánh giá thực tế tại cơ sở sản xuất, hội nghị, hội thảo, họp báo, văn phòng phẩm áp dụng theo quy định về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

c) Các khoản chi khác liên quan đến hoạt động xét tặng được áp dụng theo các quy định hiện hành của pháp luật.

3. Kinh phí hoạt động xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" được Ngân sách nhà nước bố trí trong kinh phí chi thường xuyên hàng năm (kinh phí không tự chủ); quản lý, sử dụng theo quy định.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú"

Cá nhân được phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Được nhận Huy hiệu, Bằng chứng nhận của Chủ tịch nước và tiền thưởng kèm theo danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" hoặc "Nghệ nhân ưu tú" theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng.

2. Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú có nghĩa vụ truyền dạy nghề, gìn giữ nghề, hiện vật khen thưởng; không ngừng hoàn thiện kỹ năng, kỹ xảo nghề.

3. Được hưởng trợ cấp hàng tháng và ưu đãi khác theo quy định của Chính phủ đối với cá nhân có thu nhập thấp, hoàn cảnh khó khăn.

4. Tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ do các Bộ, ban, ngành, tỉnh, thành phố, đoàn thể Trung ương phát động.

5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Chương II
TIÊU CHUẨN XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

Điều 7. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân"

Danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" được xét tặng cho cá nhân có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa đã được tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" và đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương.

2. Có thời gian hoạt động trong nghề từ 20 năm trở lên; có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống.

3. Có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc, cụ thể:

a) Sau khi đã được phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú", Nghệ nhân phải trực tiếp thiết kế, chế tác được 02 sản phẩm, tác phẩm mới có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật cao, đạt một trong các tiêu chí: Đạt giải nhì trở lên các cuộc thi liên quan đến sản phẩm thủ công mỹ nghệ do cơ quan có thẩm quyền tổ chức trong phạm vi cả nước (trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa tổ chức cuộc thi liên quan đến sản phẩm thủ công mỹ nghệ do nghề làm ra); được Nhà nước Việt Nam cử tham gia các hoạt động trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ đạt thành tích từ giải ba khu vực, quốc tế trở lên; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận tiêu biểu, đánh giá phân hạng cấp quốc gia.

b) Trường hợp Nghệ nhân ưu tú trên 70 tuổi, không đáp ứng tiêu chuẩn tại điểm a khoản này thì phải đạt một trong các tiêu chuẩn: Là người dân tộc thiểu số (hiện đang làm nghề và sinh sống ổn định tại vùng dân tộc thiểu số từ 05 năm trở lên); có 02 sản phẩm, tác phẩm trở lên được Lãnh đạo Đảng, Nhà nước lựa chọn làm tặng phẩm khách cấp cao nước ngoài theo quy định về nghi lễ đối ngoại hoặc được các bảo tàng cấp Quốc gia lựa chọn làm hiện vật trưng bày

hoặc được sử dụng vào công trình phục chế di tích lịch sử - văn hoá (công trình biểu trưng văn hóa) cấp Quốc gia được chính quyền địa phương nơi có di tích lịch sử - văn hóa xác nhận.

4. Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ của cả nước; nắm giữ kỹ năng, bí quyết nghề, truyền dạy nghề cho từ 150 cá nhân trở lên, trừ trường hợp nghề thủ công mỹ nghệ đặc thù hoặc từ 20 cá nhân trở lên hiện đang làm nghề trên 10 năm tại các cơ sở sản xuất hoặc từ 1 cá nhân trở lên được Nhà nước phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú".

5. Tâm huyết, tận tụy với nghề, được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ, kính trọng, tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ của cả nước.

Điều 8. Tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú"

Danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" được xét tặng cho cá nhân có công bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa, đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Trung thành với Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; chấp hành tốt chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, điều lệ, nội quy, quy chế của cơ quan, tổ chức, địa phương.

2. Có thời gian hoạt động trong nghề từ 15 năm trở lên; có phẩm chất đạo đức tốt, gương mẫu trong cuộc sống.

3. Có tri thức, kỹ năng đặc biệt xuất sắc, cụ thể:

a) Trực tiếp thiết kế, chế tác được ít nhất 10 tác phẩm, sản phẩm có giá trị kinh tế, kỹ thuật và mỹ thuật cao.

b) Đã có sản phẩm, tác phẩm đạt một trong các tiêu chí: Đạt từ giải nhì trở lên trong các cuộc thi liên quan đến sản phẩm thủ công mỹ nghệ do cơ quan có thẩm quyền tổ chức phạm vi cấp tỉnh hoặc giải ba trở lên trong phạm vi cả nước (trừ trường hợp cơ quan có thẩm quyền chưa tổ chức cuộc thi liên quan đến sản phẩm thủ công mỹ nghệ do nghề làm ra); được Nhà nước Việt Nam cử tham gia các hoạt động trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ đạt thành tích từ giải ba khu vực, quốc tế trở lên; được cơ quan nhà nước có thẩm quyền công nhận tiêu biểu, đánh giá phân hạng cấp quốc gia; được bảo tàng cấp quốc gia, bảo tàng cấp tỉnh lựa chọn làm hiện vật trưng bày; được sử dụng làm mẫu phục vụ công tác giảng dạy trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, đại học; được sử dụng vào công trình phục chế di tích lịch sử - văn hoá (công trình biểu trưng văn hóa) cấp tỉnh, cấp Quốc gia được chính quyền địa phương nơi có di tích lịch sử - văn hóa xác nhận.

4. Có công lớn trong việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ của địa phương; nắm giữ kỹ năng, bí quyết, truyền dạy nghề cho từ 100 cá nhân trở lên, trừ trường hợp nghề thủ công mỹ nghệ đặc thù hoặc từ 15 cá nhân trở lên hiện đang làm nghề trên 10 năm tại các cơ sở sản xuất.

5. Tâm huyết, tận tụy với nghề, được đồng nghiệp và Nhân dân mến mộ, kính trọng, tiêu biểu cho sự nghiệp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ của địa phương.

Chương III
HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

Điều 9. Nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc, thành phần của Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú"

1. Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" được thành lập ở từng cấp Hội đồng, theo từng lần xét tặng, các Hội đồng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

2. Các cấp Hội đồng

a) Hội đồng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Hội đồng cấp tỉnh);

b) Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ;

c) Hội đồng cấp Nhà nước.

3. Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" có nhiệm vụ:

a) Tổ chức việc xét tặng bảo đảm đúng quy định tại Nghị định này (bao gồm cả việc xét truy tặng cho cá nhân nếu đã hoàn thiện hồ sơ đáp ứng quy định, được Hội đồng cấp tỉnh gửi hồ sơ trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ).

b) Công bố kết quả xét chọn trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến nhân dân;

c) Hoàn chỉnh hồ sơ xét tặng, trình Hội đồng có thẩm quyền.

d) Xem xét, giải quyết các kiến nghị liên quan đến việc xét tặng.

4. Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" làm việc theo nguyên tắc:

a) Dân chủ, công khai, bỏ phiếu kín;

b) Cuộc họp của Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" được tổ chức khi có ít nhất 75% tổng số thành viên Hội đồng tham dự, trong đó có Chủ tịch Hội đồng hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền. Tổ thư ký có trách nhiệm lấy ý kiến thành viên Hội đồng vắng mặt bằng Phiếu bầu theo Mẫu số 8, Mẫu số 9 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Hội đồng cấp Nhà nước chỉ xét các hồ sơ do Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ trình, Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ chỉ xét các hồ sơ do Hội đồng cấp tỉnh trình; không xét các hồ sơ không đúng quy định của pháp luật về thi đua khen thưởng;

d) Hội đồng cấp tỉnh trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ trình Hội đồng cấp Nhà nước, Hội đồng cấp Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ danh sách cá nhân đạt từ 90% số phiếu thành viên Hội đồng đồng ý trở lên trên tổng số thành viên Hội đồng;

đ) Cá nhân đang là đối tượng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" không tham gia Hội đồng các cấp.

e) Trong một kỳ xét tặng, thành viên Hội đồng cấp tỉnh không đồng thời là thành viên Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ, Hội đồng cấp Nhà nước.

5. Thành phần Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" gồm Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng và Ủy viên Hội đồng là các đại diện đơn vị quản lý lĩnh vực thủ công mỹ nghệ, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội-nghề nghiệp liên quan và các cá nhân có uy tín, am hiểu chuyên môn về lĩnh vực thủ công mỹ nghệ, nghệ nhân.

6. Chủ tịch Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" quyết định thành lập Tổ Thư ký giúp việc cho Hội đồng.

Điều 10. Hội đồng cấp tỉnh

1. Hội đồng cấp tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương có từ 10 đến 13 thành viên, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Sở Công Thương;

c) Các ủy viên Hội đồng.

2. Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp tỉnh là Sở Công Thương. Hội đồng cấp tỉnh sử dụng con dấu của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 11. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ

1. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ do Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập theo đề nghị của Cục trưởng Cục Công Thương địa phương, có từ 10 đến 13 thành viên, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Bộ Công Thương;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Cục trưởng Cục Công Thương địa phương, Bộ Công Thương.

c) Các ủy viên Hội đồng.

2. Cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ là Cục Công Thương địa phương, Bộ Công Thương. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ sử dụng con dấu của Bộ Công Thương.

Điều 12. Hội đồng cấp Nhà nước

1. Hội đồng cấp Nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Công Thương, có từ 10 đến 13 thành viên, gồm:

a) Chủ tịch Hội đồng: Bộ trưởng Bộ Công Thương;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng: Lãnh đạo Bộ Công Thương; Lãnh đạo Bộ Nội vụ;

c) Các ủy viên Hội đồng.

2. Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Nhà nước là Bộ Công Thương. Hội đồng cấp Nhà nước sử dụng con dấu của Bộ Công Thương.

Chương IV
HỒ SƠ, QUY TRÌNH VÀ THỦ TỤC ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

Điều 13. Hồ sơ đề nghị xét tặng

1. Hồ sơ đề nghị xét tặng của cá nhân bao gồm:

a) Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" theo Mẫu số 1 và Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" theo Mẫu số 2 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Có một trong các tài liệu chứng minh những đóng góp đối với việc giữ gìn, truyền nghề, dạy nghề: Băng hoặc đĩa hình hoặc ảnh mô tả các kỹ năng, kỹ xảo đang nắm giữ hoặc bản chứng thực trong trường hợp cá nhân nộp hồ sơ qua đường bưu điện, bản photocopy (có bản gốc để đối chiếu) trong trường hợp cá nhân nộp trực tiếp giấy chứng nhận hoặc quyết định tặng thưởng Huân chương, Huy chương, Giải thưởng, Bằng khen hoặc các tài liệu khác liên quan.

2. Hồ sơ của Hội đồng cấp tỉnh trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ bao gồm:

a) Tờ trình của Hội đồng cấp tỉnh theo Mẫu số 3 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" theo Mẫu số 4 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo hồ sơ cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này;

c) Biên bản họp Hội đồng cấp tỉnh theo Mẫu số 5 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Biên bản kiểm phiếu (có đóng dấu treo) kèm Phiếu bầu của thành viên Hội đồng đồng theo Mẫu số 6, Mẫu số 8, Mẫu số 9 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Biên bản họp lấy ý kiến của cộng đồng dân cư ở cơ sở hoặc Hội nghề nghiệp theo Mẫu số 7 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Tóm tắt thành tích của cá nhân theo danh sách trình tại Điểm b, Khoản 2 Điều này theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Ý kiến bằng văn bản của Thường vụ tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương về các hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân";

e) Quyết định thành lập Hội đồng cấp tỉnh.

3. Hồ sơ của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ trình Hội đồng cấp Nhà nước bao gồm:

a) Tờ trình của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ theo Mẫu số 3 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân'', "Nghệ nhân ưu tú" theo Mẫu số 4 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo hồ sơ cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Biên bản họp Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ theo Mẫu số 5 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; Biên bản kiểm phiếu (có đóng dấu

treo) kèm Phiếu bầu của thành viên Hội đồng đồng theo Mẫu số 6, Mẫu số 8, Mẫu số 9 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Tóm tắt thành tích của cá nhân theo danh sách trình tại Điểm b, Khoản này theo Mẫu số 10 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

đ) Quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ.

4. Hồ sơ của Hội đồng cấp Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ bao gồm:

a) Tờ trình của Hội đồng cấp Nhà nước theo Mẫu số 3 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" theo Mẫu số 4 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, kèm theo hồ sơ cá nhân quy định tại Khoản 1 Điều này;

c) Biên bản họp Hội đồng cấp Nhà nước theo Mẫu số 5 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; biên bản kiểm phiếu (có đóng dấu treo) kèm Phiếu bầu của thành viên Hội đồng đồng theo Mẫu số 6, Mẫu số 8, Mẫu số 9 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

d) Tóm tắt thành tích của cá nhân theo danh sách trình tại Điểm b, Khoản này theo Mẫu số 10 quy định tại phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

e) Quyết định thành lập Hội đồng cấp Nhà nước.

Điều 14. Nộp và tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng

1. Cá nhân đề nghị xét tặng tự mình hoặc ủy quyền (bằng văn bản) cho cá nhân khác lập hồ sơ và gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện 01 (một) bộ hồ sơ đến Sở Công Thương nơi cá nhân đề nghị xét tặng trong thời gian quy định tại kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú".

2. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" có trách nhiệm kiểm tra về tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ, tài liệu của hồ sơ theo quy định và trả lời bằng văn bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu trong hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để cá nhân lập hồ sơ hoàn thiện và nộp lại chậm nhất sau 20 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn.

Điều 15. Quy trình, thủ tục xét tặng ở Hội đồng cấp tỉnh

1. Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp tỉnh có nhiệm vụ giúp Hội đồng thực hiện các công việc sau:

a) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập Hội đồng cấp tỉnh xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

b) Tổ chức lấy ý kiến Hội nghề nghiệp nơi cá nhân đề nghị xét tặng đang hoạt động để đưa vào hồ sơ đề nghị xét tặng theo Mẫu số 7 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này; nếu không có Hội nghề nghiệp, lấy ý kiến những người cùng làm nghề ở cơ sở (xã, phường, thị trấn) nơi cá nhân đề nghị xét tặng đang làm nghề;

c) Công khai danh sách các cá nhân đề nghị xét tặng trên các phương tiện truyền thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Báo, Cổng thông tin, Đài phát thanh truyền hình...) ít nhất 10 ngày trước khi họp Hội đồng;

d) Gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị xét tặng đến các thành viên của Hội đồng cấp tỉnh và tổ chức cuộc họp của Hội đồng để xét chọn.

2. Hội đồng cấp tỉnh tổ chức thẩm định hồ sơ, tiến hành xét chọn như sau:

a) Thẩm định nội dung của các tài liệu có trong hồ sơ, xem xét việc đáp ứng tiêu chuẩn của cá nhân đối với từng danh hiệu theo quy định tại Nghị định này;

b) Tổ chức đánh giá thực tế cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" tại cơ sở sản xuất;

c) Tiếp nhận, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân (nếu có) và tiến hành bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trình Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ;

d) Thông báo công khai kết quả xét chọn trên các phương tiện truyền thông của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Báo, Cổng thông tin, Đài phát thanh truyền hình...) ít nhất 10 ngày trước khi họp Hội đồng;

đ) Gửi văn bản báo cáo về kết quả xét chọn của Hội đồng cấp tỉnh cùng với 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại khoản 1, khoản 2, Điều 13 Nghị định này kèm tệp tin điện tử của hồ sơ, trừ văn bản có nội dung bí mật nhà nước đến Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

e) Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn đến cá nhân đã gửi hồ sơ đề nghị.

Điều 16. Quy trình, thủ tục xét tặng ở Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ

1. Cơ quan thường trực của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ có nhiệm vụ giúp Hội đồng thực hiện các công việc sau:

a) Trình Bộ trưởng Bộ Công Thương quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ;

b) Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ, tài liệu của hồ sơ do Hội đồng cấp tỉnh gửi; trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa, hướng dẫn bằng văn bản để Hội đồng cấp tỉnh hoàn thiện và nộp lại chậm nhất sau 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn;

c) Đăng tải danh sách các cá nhân được Hội đồng cấp tỉnh đề nghị xét tặng trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương để lấy ý kiến Nhân dân trong thời gian 10 ngày;

d) Gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị xét tặng đến các thành viên Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ và tổ chức cuộc họp của Hội đồng để xét chọn.

2. Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ tổ chức thẩm định hồ sơ, tiến hành xét chọn như sau:

a) Thẩm định nội dung của các tài liệu có trong hồ sơ, xem xét việc đáp ứng tiêu chuẩn của cá nhân đối với từng danh hiệu theo quy định tại Nghị định này;

b) Tổ chức đánh giá thực tế cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" và "Nghệ nhân ưu tú" (nếu cần thiết) tại cơ sở sản xuất;

c) Tiếp nhận, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân (nếu có) và tiến hành bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trình Hội đồng cấp Nhà nước;

d) Thông báo kết quả xét chọn trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Công Thương trong thời gian ít nhất 10 ngày;

đ) Gửi văn bản báo cáo về kết quả xét chọn của Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ cùng với 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại khoản 3, Điều 13 Nghị định này đến Hội đồng cấp Nhà nước theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

e) Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn tới Hội đồng cấp tỉnh đã gửi hồ sơ.

Điều 17. Quy trình, thủ tục xét tặng ở Hội đồng cấp Nhà nước

1. Cơ quan thường trực của Hội đồng cấp Nhà nước có nhiệm vụ giúp Hội đồng thực hiện các công việc sau:

a) Trình Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập Hội đồng cấp Nhà nước;

b) Tiếp nhận, kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của các giấy tờ, tài liệu của hồ sơ do Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ gửi; trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa các tài liệu có trong hồ sơ cần hướng dẫn để Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ hoàn thiện và nộp lại chậm nhất sau 10 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản hướng dẫn;

c) Đăng tải danh sách các cá nhân được Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ đề nghị xét tặng trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và phương tiện thông tin đại chúng để lấy ý kiến Nhân dân trong thời gian ít nhất 10 ngày;

d) Gửi tài liệu, hồ sơ đề nghị xét tặng đến các thành viên Hội đồng và tổ chức cuộc họp của Hội đồng để xét chọn.

2. Hội đồng cấp Nhà nước tổ chức thẩm định hồ sơ và xét chọn như sau:

a) Thẩm định nội dung của các tài liệu có trong hồ sơ, xem xét việc đáp ứng tiêu chuẩn của cá nhân đối với từng danh hiệu theo quy định tại Nghị định này;

b) Tiếp nhận, xử lý kiến nghị của tổ chức, cá nhân (nếu có) và tiến hành bỏ phiếu kín để chọn cá nhân có đủ tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

c) Thông báo kết quả xét chọn trên Cổng thông tin điện tử của Chính phủ và phương tiện thông tin đại chúng trong thời gian ít nhất 10 ngày;

d) Hoàn chỉnh hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, trình Chủ tịch nước quyết định phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

đ) Gửi văn bản báo cáo về kết quả xét chọn của Hội đồng cấp Nhà nước cùng với 01 (một) bộ hồ sơ quy định tại khoản 4, Điều 13 Nghị định này đến Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương để tổng hợp hồ sơ, trình Thủ tướng

Chính phủ theo thời gian quy định trong Kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú";

e) Thông báo bằng văn bản kết quả xét chọn tới Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ.

Điều 18. Công bố Quyết định của Chủ tịch nước phong tặng và trao tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú"

Bộ Công Thương chủ trì tổ chức hoặc chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức Lễ công bố Quyết định phong tặng và trao tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" của Chủ tịch nước.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Quy định chuyển tiếp

Các cá nhân có hồ sơ đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" đáp ứng quy định, đã gửi đến Sở Công Thương trước ngày Nghị định này có hiệu lực, đang trong quá trình xét tặng theo quy định tại Nghị định số 123/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ thì tiếp tục thực hiện theo Nghị định số 123/2014/NĐ-CP.

Điều 20. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực từ ngày ….. tháng ….. năm 2024.

2. Nghị định số 123/2014/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực nghề thủ công mỹ nghệ hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

Điều 21. Trách nhiệm thi hành

1. Tổ chức thực hiện:

a) Bộ Công Thương ban hành, tổ chức thực hiện kế hoạch xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ; xây dựng, tổ chức thực hiện kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" hàng năm; quy định tổ chức cuộc thi sản phẩm thủ công mỹ nghệ.

b) Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cân đối, bố trí kinh phí, tổ chức thực hiện kế hoạch, dự toán kinh phí hoạt động xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trên địa bàn hàng năm (trong đó có kinh phí khen thưởng); căn cứ thực tế của địa phương, tiêu chuẩn danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" tại Nghị định này để xem xét, ban hành tiêu chuẩn, tổ chức xét, công nhận Thợ giỏi cấp tỉnh trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ trên địa bàn.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, TCCV (10b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Phạm Minh Chính

PHỤ LỤC
CÁC BIỂU MẪU TRONG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

(Ban hành kèm theo Nghị định số /2024/NĐ-CP ngày tháng năm 2024 của Chính phủ)

Mẫu số 1	Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu ''Nghệ nhân nhân dân"
Mẫu số 2	Bản khai thành tích đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú"
Mẫu số 3	Tờ trình đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" "Nghệ nhân ưu tú"
Mẫu số 4	Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" "Nghệ nhân ưu tú"
Mẫu số 5	Biên bản họp Hội đồng xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" "Nghệ nhân ưu tú"
Mẫu số 6	Biên bản kiểm phiếu xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" "Nghệ nhân ưu tú"
Mẫu số 7	Biên bản họp lấy ý kiến của cộng đồng dân cư ở cơ sở hoặc Hội nghề nghiệp
Mẫu số 8	Phiếu bầu về việc xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân"
Mẫu số 9	Phiếu bầu về việc xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú"
Mẫu số 10	Tóm tắt thành tích cá nhân đề nghị được xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" "Nghệ nhân ưu tú"

Mẫu số 1

Ảnh màu
4 x 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN"

(Độ dài không quá 05 trang khổ A4)

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên (khai sinh): ..... Nam, Nữ: .....
2. Tên gọi khác (nếu có): .....
3. Ngày, tháng, năm sinh: .....
4. Dân tộc: .....
5. Nguyên quán: .....
.....
6. Nơi thường trú: .....
.....
7. Số căn cước công dân, CMTND: .....
8. Tên nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ: .....
9. Năm bắt đầu thực hành nghề thủ công mỹ nghệ .....
10. Năm được phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú": .....
11. Điện thoại nhà riêng: ..... Di động: .....
12. Địa chỉ liên hệ: .....
.....
13. Người liên hệ khi cần: .....
.....
..... Điện thoại: .....
14. Số lượng học trò đã truyền dạy được: .....
15. Học trò tiêu biểu:

Họ và tên: .....
Ngày tháng năm sinh: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại nhà riêng: ..... Di động: .....
Thành tích đạt được.....

II. QUÁ TRÌNH THAM GIA THỰC HÀNH NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

(Kê khai về quá trình tham gia thực hành nghề thủ công mỹ nghệ sau khi được phong tặng danh hiệu Nghệ nhân ưu tú)

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

III. TRI THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐANG NẮM GIỮ

Mô tả kỹ năng và kỹ xảo nghề đang nắm giữ: .....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

IV. TÊN TÁC PHẨM, SẢN PHẨM TIÊU BIỂU

Kê khai số lượng, nội dung của tác phẩm, sản phẩm sau khi được phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú"

.....
.....
.....
.....
.....
.....

V. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ trước đến nay

.....
.....
.....
.....
.....

VI. KỶ LUẬT

.....
.....

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin đã kê khai và thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng sau khi được phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân"./.

……, ngày ..... tháng ..... năm....
Xác nhận[1]
TM. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú
Chủ tịch
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

……, ngày .... tháng ..... năm .....
Người khai
(Ký ghi rõ họ tên)

……, ngày ..... tháng ..... năm ....
Xác nhận của Sở Công Thương[2]
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: [1] Xác nhận về cư trú, sự tuân thủ luật pháp và các quy định tại nơi cư trú.

[2] Sau khi có biên bản lấy ý kiến của cộng đồng dân cư địa phương nơi người đề nghị xét tặng đang cư trú hoặc của Hội nghề nghiệp.

Mẫu số 2

Ảnh màu
4 x 6

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI THÀNH TÍCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

(Độ dài không quá 05 trang khổ A4)

I. SƠ YẾU LÝ LỊCH

1. Họ và tên (khai sinh): ..... Nam, Nữ: .....
2. Tên gọi khác (nếu có): .....
3. Ngày, tháng, năm sinh: .....
4. Dân tộc: .....
5. Nguyên quán: .....
.....
6. Hộ khẩu thường trú: .....
.....
7. Số căn cước công dân,CMTND: .....
8. Tên nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ: .....
.....
9. Năm bắt đầu thực hành nghề thủ công mỹ nghệ: .....
10. Điện thoại nhà riêng: ..... Di động: .....
11. Địa chỉ liên hệ: .....
.....
12. Người liên hệ khi cần: .....
.....
..... Điện thoại: .....
13. Số lượng học trò đã truyền dạy được: .....

II. QUÁ TRÌNH THAM GIA THỰC HÀNH NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

(Kê khai về quá trình tham gia thực hành nghề thủ công mỹ nghệ, học nghề từ ai, nay còn sống hay đã mất, địa chỉ, điện thoại của người đó "nếu có"; đã thực hành nghề thủ công mỹ nghệ đang nắm giữ như thế nào,...).....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

.....
.....
.....

III. TRI THỨC VÀ KỸ NĂNG ĐANG NẮM GIỮ

Mô tả kỹ năng và kỹ xảo nghề đang nắm giữ: .....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

IV. TÊN TÁC PHẨM , SẢN PHẨM, TIÊU BIỂU

Kê khai số lượng, nội dung của tác phẩm, sản phẩm: .....

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

V. KHEN THƯỞNG

Kê khai thành tích khen thưởng từ trước đến nay

.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....
.....

VI. KỶ LUẬT

.....
.....

Tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính xác thực của thông tin đã kê khai và thực hiện đúng trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân theo quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng sau khi được phong tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú"./.

……, ngày ..... tháng ..... năm....	*……, ngày .... tháng ..... năm .....*
Xác nhận[1]	**Người khai**
TM. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú	*(Ký ghi rõ họ tên)*
Chủ tịch	
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)	

……, ngày ..... tháng ..... năm ....
Xác nhận của Giám đốc Sở Công Thương[2]
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: [1] *Xác nhận về cư trú, sự tuân thủ luật pháp và các quy định tại nơi cư trú.*

[2] *Sau khi có biên bản lấy ý kiến của cộng đồng dân cư địa phương nơi người đề nghị xét tặng đang cư trú hoặc của Hội nghề nghiệp.*

Mẫu số 3

.....[1] **HỘI ĐỒNG .....[2]** **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày ... tháng ... năm .....*

TỜ TRÌNH

Đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú"

Kính gửi: Hội đồng .....[3] xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" , "Nghệ nhân ưu tú"

Căn cứ Nghị định số ...../.../NĐ-CP ngày .... tháng .... năm .. của Chính phủ quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" **trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ;**

Hội đồng .....[4] xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" đã họp vào ngày ..... tháng ..... năm ..... để xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" cho ..... người.

Số nghệ nhân đủ điều kiện để đề nghị Hội đồng .....[5] xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" gồm...người, trong đó:

- Số lượng Nghệ nhân ưu tú được đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân": .....người

- Số lượng người được đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú":.....người

(Có danh sách kèm theo).

Hội đồng .....[6] trân trọng đề nghị./.

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên cơ quan, đơn vị ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.
(2, 4, 6): Tên Hội đồng đề nghị.
(3, 5): Tên Hội đồng được đề nghị.

Mẫu số 4

.....[1] **HỘI ĐỒNG .....[2]** **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ... năm .....

DANH SÁCH ĐỀ NGHỊ XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

1. Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân"

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Số phiếu đạt	Tỷ lệ %
1					
2					
...					

2. Danh sách đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú"

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Số phiếu đạt	Tỷ lệ %
1					
2					
...					

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.
(2) Tên Hội đồng đề nghị.

Mẫu số 5

.....[1] **HỘI ĐỒNG .....[2]** **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày ... tháng ... năm .....*

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG XÉT TẶNG
DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"
TRONG LĨNH VỰC THỦ CÔNG MỸ NGHỆ

Hội đồng .....[1] xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" được thành lập theo Quyết định số ...../..... ngày ..... tháng ..... năm ..... của .....

Hội đồng đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể vào .... giờ ..... ngày .... tháng .... năm .....để xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú".

Tổng số thành viên trong Hội đồng theo quyết định: ..... người

Số thành viên Hội đồng tham gia dự họp: ..... người, gồm:

1. .....

2. .....

3. .....

Số thành viên Hội đồng không dự họp: ..... người, gồm:

1. .....

2. .....

(Nêu lý do vắng mặt)

- Khách mời tham dự họp Hội đồng: ghi rõ họ tên, chức vụ, đơn vị công tác (nếu có).

1. .....

2. .....

- Chủ trì: .....

- Thư ký Hội đồng: .....

NỘI DUNG LÀM VIỆC CỦA HỘI ĐỒNG

1. Hội đồng đã nghe cơ quan thường trực của Hội đồng báo cáo về hồ sơ của các cá nhân đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" bao gồm:

Số lượng người đề nghị xét tặng: .....người.

Trong đó, số lượng người đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" là: ..... người, danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" là: ..... người.

2. Hội đồng đã trao đổi, thảo luận, đánh giá về thành tích và tiêu chuẩn của từng trường hợp đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú".

(ghi tóm tắt cơ bản các ý kiến của thành viên Hội đồng)

3. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: .....
- Ủy viên: .....

4. Hội đồng đã bỏ phiếu kín, Ban kiểm phiếu làm việc theo đúng quy định (có Biên bản kiểm phiếu và Phiếu bầu kèm theo).

5. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng

- Các trường hợp đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", gồm:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1					
2					
...					

- Các trường hợp không đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân" gồm:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Số phiếu không đồng ý	Tỷ lệ %
1					
2					
...					

- Các trường hợp đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú", gồm:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1					
2					
...					

- Các trường hợp không đủ số phiếu theo quy định đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú" gồm:

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Số phiếu không đồng ý	Tỷ lệ %
1					
2					
...					

Cuộc họp kết thúc vào hồi ……. giờ ….. ngày ….. tháng .... năm ……

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.
(2) Tên Hội đồng đề nghị.

Mẫu số 6

……..[1] **HỘI ĐỒNG ……..[2]** **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày ... tháng ... năm ……*

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU BẦU
HỌP HỘI ĐỒNG……..[2] XÉT TẶNG DANH HIỆU
"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"
TRONG LĨNH VỰC NGHỀ THỦ CÔNG MỸ NGHỆ LẦN THỨ 5

Hội đồng ……..[2] xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" được thành lập theo Quyết định số ……../…….. ngày …….. tháng ……. năm ……. của …….

Hội đồng đã tổ chức cuộc họp phiên toàn thể vào .... giờ ….. ngày .... tháng .... năm ……để xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú".

Tổng số thành viên trong Hội đồng theo Quyết định: …… người

I. Ban Kiểm phiếu chúng tôi gồm:

1. Ông/Bà ……., Trưởng ban;
2. Ông/Bà ……., Ủy viên;
3. Ông/Bà……..……, Ủy viên;

…….

II. Số phiếu đánh giá:

- Số phiếu phát ra : ……. phiếu;
- Số phiếu thu về : ……..phiếu;
- Số phiếu hợp lệ : ……..phiếu;
- Số phiếu không hợp lệ : ……..phiếu.

III. Kết quả kiểm phiếu như sau:

1. Danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân"

STT	Họ và tên	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1				
2				

3				
.....				

2. Danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú"

STT	Họ và tên	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Số phiếu đồng ý	Tỷ lệ %
1				
2				
3				
.....				

Biên bản kiểm phiếu đã được đọc cho mọi người cùng nghe vào hồi .... giờ ..... phút cùng ngày và các thành viên Hội đồng không có ý kiến khác./.

ỦY VIÊN BAN KIỂM PHIẾU **TRƯỞNG BAN KIỂM PHIẾU**

Ghi chú: (1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.
(2) Tên Hội đồng đề nghị.

Mẫu số 7

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN HỌP LẤY Ý KIẾN CỦA CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ Ở CƠ SỞ HOẶC HỘI NGHỀ NGHIỆP*

Hôm nay, vào hồi.... giờ ..... ngày ..... tháng ..... năm ..... tại .....

Chúng tôi gồm:

1. Nguyễn Văn A, chức vụ: ..... là đại diện cho .....
2. Nguyễn Văn B, chức vụ: ..... là đại diện cho .....
3. .....

tổ chức cuộc họp lấy ý kiến của ..... (ghi rõ tên cộng đồng hoặc hội nghề nghiệp) về việc đề nghị xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" của:

Ông/bà: ..... tuổi .....

Cư trú tại: .....

Tổng số người tham dự cuộc họp: .....người.

Chủ tọa cuộc họp: .....

Thư ký cuộc họp: .....

NỘI DUNG LÀM VIỆC

Căn cứ các tiêu chuẩn quy định tại Điều 7 và Điều 8 Nghị định số .../...../NĐ-CP ngày ...tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chi tiết về xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân", "Nghệ nhân ưu tú" trong lĩnh vực thủ công mỹ nghệ, các đại biểu tham dự cuộc họp đã cùng nhau thảo luận, đánh giá về mức độ đáp ứng các tiêu chuẩn của (các) ông/bà có tên dưới đây để đề nghị Hội đồng cấp có thẩm quyền xét tặng danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân"/"Nghệ nhân ưu tú". Các ý kiến nhận xét như sau:

(ghi tóm tắt những ý kiến cơ bản của các đại biểu tham dự đối với từng cá nhân đề nghị được xét tặng danh hiệu).

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Kết luận: Các đại biểu dự họp đã thống nhất ý kiến như sau (đánh dấu X vào cột thích hợp):

1. Danh hiệu "Nghệ nhân nhân dân"

TT	Họ tên	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Ý kiến đồng ý	Tỷ lệ %
1				
2				
3				
...				

2. Danh hiệu "Nghệ nhân ưu tú"

TT	Họ tên	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Ý kiến đồng ý	Tỷ lệ %
1				
2				
3				
...				

Cuộc họp kết thúc vào hồi ..... giờ ..... ngày ..... tháng .... năm ...

THƯ KÝ CUỘC HỌP	**CHỦ TỌA CUỘC HỌP**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*

---

*Ghi chú: * Trong trường hợp cuộc họp lấy ý kiến về nhiều cá nhân thì ghi tên các cá nhân theo thứ tự vần a, b, c và ghi nhận xét của các đại biểu dự họp cũng như kết luận của cuộc họp cho từng trường hợp một.*

Mẫu số 8

……..[1] **HỘI ĐỒNG ……..[2]** **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *……, ngày ... tháng ... năm ……*

PHIẾU BẦU
VỀ VIỆC XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN"

(Đồng ý, không đồng ý, đề nghị thành viên Hội đồng đánh dấu X vào ô thích hợp).

Stt	Họ và tên	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Ý kiến của thành viên Hội đồng	
			Đồng ý	Không đồng ý
1				
2				
3				
4				
5				
6				
…				

Thành viên Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc không ký tên)

Ghi chú: (1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.
(2) Tên Hội đồng đề nghị.

Mẫu số 9

.....[1] **HỘI ĐỒNG .....[2]** **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *....., ngày ... tháng ... năm .....*

PHIẾU BẦU
VỀ VIỆC XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"

(Đồng ý, không đồng ý, đề nghị thành viên Hội đồng đánh dấu X vào ô thích hợp).

Stt	Họ và tên	Nghề thủ công mỹ nghệ nắm giữ	Ý kiến của thành viên Hội đồng	
			Đồng ý	Không đồng ý
1				
2				
3				
4				
5				
6				
...				

Thành viên Hội đồng
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc không ký tên)

Ghi chú: (1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.
(2) Tên Hội đồng đề nghị.

Mẫu số 10

.....[1] **HỘI ĐỒNG .....[2]** **XÉT TẶNG DANH HIỆU** **"NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN",** **"NGHỆ NHÂN ƯU TÚ"**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm .....

TÓM TẮT THÀNH TÍCH CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ ĐƯỢC XÉT TẶNG DANH HIỆU "NGHỆ NHÂN NHÂN DÂN", "NGHỆ NHÂN ƯU TÚ" [3]

1. Họ và tên (thông tin về cá nhân):

.....

2. Số căn cước công dân, CMTND: .....

3. Tên nghề thủ công mỹ nghệ đang nắm giữ: .....

4. Thời gian tham gia làm nghề (Từ năm nào đến năm nào? Tổng cộng bao nhiêu năm?):

.....

5. Kỹ năng, kỹ xảo:

.....

.....

.....

6. Thành tích thực hành nghề thủ công mỹ nghệ:

.....

.....

.....

7. Đề nghị xét tặng danh hiệu: "Nghệ nhân nhân dân"/ "Nghệ nhân ưu tú"

8. Phiếu bầu (%) đồng ý đề nghị xét tặng:

Hội đồng cấp tỉnh: ..... %

Hội đồng chuyên ngành cấp Bộ: ..... %

Hội đồng cấp Nhà nước: ..... %

TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ đóng dấu)

Ghi chú: (1) Tên tổ chức ghi tại con dấu Hội đồng sử dụng.
(2) Tên Hội đồng đề nghị.
(3) Độ dài không quá 01 trang A4.